

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 38/NQ-HĐND

Kiên Giang, ngày 05 tháng 5 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh, bổ sung một số danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công
vốn ngân sách nhà nước năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ BA MƯƠI BA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025, giao dự toán và kế hoạch đầu tư từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương, kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn ngân sách trung ương;

Xét Tờ trình số 101/TTr-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung một số danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Báo cáo thẩm tra số 19/BC-BKTNS ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung một số danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

1. Điều chỉnh giảm 2.578.301 triệu đồng vốn chưa phân khai chi tiết tại Nghị quyết số Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về điều chỉnh, bổ sung một số danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Điều chỉnh, bổ sung một số danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2025 trên địa bàn tỉnh, như sau: Điều chỉnh tăng/giảm kế hoạch vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương giữa các sở, ban, ngành và địa phương với tổng kế hoạch vốn điều chỉnh là 3.033.598 triệu đồng (trong đó: phân khai chi tiết tại số vốn 2.578.301 triệu đồng tại Nghị quyết số Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 24/02/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh và điều chỉnh tăng/giảm vốn giữa các dự án là 455.297 triệu đồng), gồm: Giảm vốn 19 danh mục dự án và tăng vốn 58 danh mục dự án.

(chi tiết danh mục kèm theo Phụ lục)

3. Các nội dung khác: thực hiện theo Nghị quyết số 70/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024; Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khoá X, Kỳ họp thứ Ba mươi ba thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Thường trực HĐND cấp huyện;
- Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Đảng công báo tỉnh;
- Trang thông tin điện tử;
- Văn phòng điện tử;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Lâm Minh Thành

PHỤ LỤC

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG

(Kèm theo Nghị quyết số: 38/NQ-HĐND ngày 05 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư /Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công năm 2025				Kế hoạch đầu tư công năm 2025 (sau điều chỉnh)				Chênh lệch		Phân cấp vốn huyện, thành phố quản lý	Ghi chú
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tăng (+)	Giảm (-)		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh		Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết		Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	TỔNG SỐ (A+B)				15,559,594	13,877,899	4,601,798	368,432	3,184,036	1,049,330	4,601,798	368,432	3,184,036	1,049,330	3,033,598	-3,033,598	607,931	-
A	VỐN BÓ TRÍ ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC VÀ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM				15,559,594	13,877,899	2,023,497	284,167	1,553,845	185,485	4,601,798	368,432	3,184,036	1,049,330	3,033,598	-455,297	607,931	-
I	Lĩnh vực nông nghiệp và môi trường				3,097,205	1,908,928	1,119,324	262,479	712,219	144,626	826,794	166,996	531,167	128,631	124,035	-416,565	-	-
a	Dự án chuyển tiếp				1,935,181	746,904	355,412	69,063	286,349	-	185,903	971	184,932	-	101,300	-270,809	-	-
1	Xây dựng hệ thống cấp nước thô liên huyện: An Biên- An Minh-U Minh Thượng-Vĩnh Thuận.	Gò Quao, An Biên, An Minh, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận.	2022-2025	số 3358/QĐ-UBND ngày 30/12/2022; số 912/QĐ-UBND ngày 17/4/2024; số 1979/QĐ-UBND ngày 08/07/2024 của UBND tỉnh;	881,492	448,085	270,809		270,809							-270,809		
2	Dự án kết hợp bảo vệ vùng ven biển và phục hồi đại rừng ngập mặn tại Kiên Giang và Cà Mau	Tỉnh Kiên Giang	2018-2025	Số 5758/QĐ-BNNPTNT, 29/12/2017; số 2986/QĐ-BNN-HTQT, 05/8/2022; số 3095/QĐ-BNN-HTQT ngày 31/7/2023 của Bộ NN&PTNT; số 2975/QĐ-UBND ngày 11/11/2024 của UBND tỉnh	230,966	57,121	15,540		15,540		44,840		44,840		29,300			
3	Dự án đầu tư xây dựng 18 công trên tuyến đê biển, ven biển tỉnh Kiên Giang	các huyện: An Biên, An Minh, Châu Thành, Kiên Lương.	2019-2025	số 2516/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019; số 2281/QĐ-UBND, 13/9/2022; số 2660/QĐ-UBND, 27/10/2022, 3325/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của UBND tỉnh;	822,723	241,698	69,063	69,063			141,063	971	140,092		72,000			
b	Dự án khởi công mới				1,092,236	1,092,236	763,912	193,416	425,870	144,626	637,521	163,655	345,235	128,631	19,365	-145,756	-	-
4	Dự án đầu tư xây dựng 03 công Đầm Chích, Phú Mỹ, Xẻo Nhau	huyện An Minh, Giang Thành	2023-2026	Số 2636/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang	600,000	600,000	472,530		425,870	46,660	372,530		325,870	46,660		-100,000		
5	Dự án Kế chống sạt lở kết hợp bãi thải nạo vét khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Nam Du	huyện Kiên Hải	2023-2026	Số 2327/QĐ-UBND ngày 21/8/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang	430,000	430,000	291,382	193,416		97,966	245,626	163,655		81,971		-45,756		
6	Xây dựng tuyến đường vành đai bao quanh Vườn Quốc gia Phú Quốc giai đoạn I	Thành phố Phú Quốc	2024-2026	Số 57/QĐ-BQLKKT PQ ngày 12/3/2025 của BQL KKT PQ	62,236	62,236	-				19,365		19,365		19,365			
c	Dự án chuẩn bị đầu tư				69,788	69,788	-	-	-	-	3,370	2,370	1,000	-	3,370	0	-	-
1	Bổ trí chuẩn bị đầu tư - Dự án nước sạch nông thôn gần với chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Tỉnh Kiên Giang	2023-2025	Quyết định số 735/QĐ-SNNPTNT ngày 30/10/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT	3,755	3,755	-				2,370	2,370			2,370			
2	Dự án Chống ngập và chống hạn vùng đệm U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang	huyện U Minh Thượng	2025-2026	Số /QĐ-UBND ngày /.../2025 của UBND tỉnh	66,033	66,033	-				1,000		1,000		1,000			
II	Lĩnh vực xây dựng - giao thông				8,316,666	8,316,666	607,400	700	600,000	6,700	2,297,709	96,729	2,005,680	195,300	1,697,709	-7,400	-	-

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư /Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công năm 2025				Kế hoạch đầu tư công năm 2025 (sau điều chỉnh)				Chênh lệch		Phân cấp vốn huyện, thành phố quản lý	Ghi chú
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tăng (+)	Giảm (-)		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh		Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết		Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
a	Công trình chuyển tiếp hoàn thành trước 31/12/2024				1,102,960	1,102,960	7,400	700	-	6,700	-	-	-	-	-	-7,400	-	
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến quốc lộ 61 đoạn Km88+774 (nút giao QL.63 thị trấn Minh Lương, Châu Thành) đến Km96+074 (nút giao Rạch Sỏi, QL.80, thành phố Rạch Giá)	huyện Châu Thành và thành phố Rạch Giá	2019-2023	số 2512/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	150,000	150,000	700	700								-700		
2	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường ven biển từ Rạch Giá đi Hòn Đất	thành phố Rạch Giá và huyện Hòn Đất	2019-2024	số 2232/QĐ-UBND, ngày 30/9/2019; số 2499/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019; số 2763/QĐ-UBND, 11/11/2021; số 462/QĐ-UBND, 22/02/2023 của UBND tỉnh;	952,960	952,960	6,700			6,700	-					-6,700		
b	Dự án khởi công mới				7,100,000	7,100,000	600,000	-	600,000	-	2,267,475	73,277	1,998,898	195,300	1,667,475	0	-	
1	Đầu tư xây dựng công trình Cầu trên tuyến đường bộ ven biển kết nối từ An Biên - thành phố Rạch Giá	huyện An Biên và thành phố Rạch Giá	2024-2029	Số 1140/QĐ-UBND ngày 23/4/2025 của UBND tỉnh	3,900,000	3,900,000	-				1,050,000		1,050,000		1,050,000			
2	- Đầu tư xây dựng đường ven biển phía tây đảo Phú Quốc	Thành phố Phú Quốc	2025-2029	số 384/QĐ-UBND ngày 15/02/2025 của UBND tỉnh	3,200,000	3,200,000	600,000		600,000		1,217,475	73,277	948,898	195,300	617,475			
c	Thực hiện chuẩn bị đầu tư các công trình giao thông	tỉnh Kiên Giang			113,706	113,706	-	-	-	-	30,234	23,452	6,782	-	30,234	0	-	
1	- Đầu tư xây dựng công trình đường Võ văn Kiệt nối dài (Quốc lộ 61- đường 3/2)	thành phố Rạch Giá - huyện Châu Thành		số 100/QĐ-SGTVT ngày 17/3/2023; số 559/QĐ-SGTVT ngày 09/11/2023; số 144/QĐ-SGTVT ngày 17/2/2025 của Sở Giao thông vận tải;	2,305	2,305	-				640		640		640			
2	Dự án đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp Đường Nguyễn Trung Trực (từ cầu Rạch Sỏi đến cầu kênh nhánh)	Thành phố Rạch Giá		số 265/QĐ-SGTVT ngày 19/8/2024; số 145/QĐ-SGTVT ngày 17/2/2025 của Sở Giao thông vận tải;	5,000	5,000	-				2,932		2,932		2,932			
3	Dự án đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp Đường 3 tháng 2 (từ đường Lê Hồng Phong đến Nguyễn Thái Bình)	Thành phố Rạch Giá		số 26/QĐ-SGTVT ngày 19/8/2024; số 146/QĐ-SGTVT ngày 17/2/2025 của Sở Giao thông vận tải;	5,000	5,000	-				3,210		3,210		3,210			
4	- Đầu tư xây dựng công trình đường từ QL.80 - đường ven biển (Sóc Xoài), huyện Hòn Đất	Huyện Hòn Đất		số 473/QĐ-SGTVT ngày 28/9/2023 của Sở Giao thông vận tải;	201	201	-				60		60		60			
6	Dự án xây dựng công trình ngầm hoá đô thị Dương Đông	Thành phố Phú Quốc		Số 123/QĐ-SXD ngày 12/3/2025 của Sở Xây dựng	2,700	2,700	-				2,000		2,000		2,000			
7	Dự án xây dựng công trình ngầm hoá đô thị An Thới	Thành phố Phú Quốc		Số 124/QĐ-SXD và số 125/QĐ-SXD ngày 12/3/2025 của Sở Xây dựng	3,000	3,000	-				2,000		2,000		2,000			
8	Dự án tuyến tàu điện đô thị đoạn 1 (đoạn từ Cảng HK Phú Quốc tới TT hội nghị và tới Cảng An Thới)	Thành phố Phú Quốc		Số 128/QĐ-SXD và số 129/QĐ-SXD ngày 12/3/2025 của Sở Xây dựng	14,000	14,000	-				2,000		2,000		2,000			
9	Dự án đầu tư đường bộ ven biển phía Đông đảo Phú Quốc	Thành phố Phú Quốc		Số 126/QĐ-SXD và số 127/QĐ-SXD ngày 12/3/2025 của Sở Xây dựng	20,000	20,000	-				2,000		2,000		2,000			
10	Dự án đường bộ ven biển kết nối cảng An Thới	Thành phố Phú Quốc		Số 130/QĐ-SXD ngày 12/3/2025 của Sở Xây dựng	8,000	8,000	-				2,000		2,000		2,000			
11	Dự án đầu tư xây dựng đại lộ Đông - Tây đảo Phú Quốc	Thành phố Phú Quốc		Số 120/QĐ-SXD số 121/QĐ-SXD ngày 12/3/2025 của Sở Xây dựng	7,000	7,000	-				2,000		2,000		2,000			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư /Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công năm 2025					Kế hoạch đầu tư công năm 2025 (sau điều chỉnh)				Chênh lệch		Phân cấp vốn huyện, thành phố quản lý	Ghi chú
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tăng (+)	Giảm (-)			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh		Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết		Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
12	Dự án đường tỉnh ĐT.975 (đoạn từ Cửa Lấp - đường Võ Thị Sáu - đường bộ ven biển Tây đảo Phú Quốc)	Thành phố Phú Quốc		Số 118/QĐ-SXD và số 119/QĐ-SXD ngày 12/3/2025 của Sở Xây dựng	15,000	15,000	-				2,000	2,000			2,000				
13	Dự án đường trục Dương Đông đi Bắc đảo (ĐT 975B)	Thành phố Phú Quốc		Số 107/QĐ-SXD số 108/QĐ-SXD ngày 12/3/2025 của Sở Xây dựng	7,000	7,000	-				2,000	2,000			2,000				
14	Dự án đầu tư xây dựng tuyến cảnh quan sông Dương Đông	Thành phố Phú Quốc		Số 109/QĐ-SXD và số 110/QĐ-SXD ngày 12/3/2025 của Sở Xây dựng	7,000	7,000	-				2,000	2,000			2,000				
15	Dự án Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 63 (đoạn từ Minh Lương - Tắc Cậu)	huyện Châu Thành		Số 105/QĐ-SXD ngày 12/3/2025 của Sở Xây dựng	2,000	2,000	-				1,392	1,392			1,392				
16	Dự án Đường tỉnh ĐT.975 (đoạn từ ĐT.973 – Cảng hàng không Phú Quốc - ĐT.975 – ĐT.973	Thành phố Phú Quốc		Số 114/QĐ-SXD và số 115/QĐ-SXD ngày 12/3/2025 của Sở Xây dựng	8,000	8,000	-				2,000	2,000			2,000				
17	Dự án đầu tư xây dựng công trình Đường bộ ven biển từ Kiên Lương đi Hà Tiên	Thành phố Rạch Giá		Số 132/QĐ-SXD ngày 12/3/2025 của Sở Xây dựng	7,500	7,500	-				2,000	2,000			2,000				
III	Lĩnh vực y tế				1,347,000	1,347,000	-	-	-	-	585,000	-	-	585,000	585,000	0	-		
a	Công trình chuyển tiếp				1,347,000	1,347,000	-	-	-	-	585,000	-	-	585,000	585,000	0	-		
1	Bệnh viện Ung bướu tỉnh Kiên Giang, quy mô 400 giường.	Thành phố Rạch Giá	2019-2025	Số 2433/QĐ-UBND, 31/10/2018; Số 1279/QĐ-UBND, 17/5/2023; Số 2151/QĐ-UBND, 25/7/2024; Số 506/QĐ-UBND, 26/2/2025	1,347,000	1,347,000	-				585,000			585,000	585,000				
IV	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo				13,565	13,565	-	-	-	-	13,477	-	-	13,477	13,477	0	-		
a	Dự án khởi công mới				12,977	12,977	-	-	-	-	12,977	-	-	12,977	12,977	0	-		
1	Dự án Cải tạo, sửa chữa Ký túc xá sinh viên Kiên Giang tại thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	2024-2026	số 2993/QĐ-UBND ngày 13/11/2024; 862/QĐ-UBND ngày 27/3/2025 của UBND tỉnh Kiên Giang	12,977	12,977	-				12,977			12,977	12,977				
b	Dự án chuẩn bị đầu tư				588	588	-	-	-	-	500	-	-	500	500	0	-		
1	Dự án cải tạo, sửa chữa, xây mới và mua sắm trang thiết bị trường Trung học phổ thông Nguyễn Trung Trục, thành phố Rạch Giá	Thành phố Rạch Giá	2025-2026	Số 212 /QĐ-BQL ngày 16/4/2025 của BQLDA ĐTXD-GT	588	588	-				500			500	500				
V	Lĩnh vực Văn hóa Thể thao				57,000	57,000	-	-	-	-	929	-	-	929	929	0	-		
a	Công trình chuyển tiếp hoàn thành trước 31/12/2024				57,000	57,000	-	-	-	-	929	-	-	929	929	0	-		
1	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm văn hóa tỉnh giai đoạn 2016-2020	Thành phố Rạch Giá	2019-2024	số 2434/QĐ-UBND, ngày 31/10/2018; 2707/QĐ-UBND ngày 25/11/2020 của UBND tỉnh;	57,000	57,000	-				929			929	929				
VI	Các Trường Cao đẳng				6,037	6,037	-	-	-	-	6,037	6,037	-	-	6,037	0	-		
a	Dự án khởi công mới				6,037	6,037	-	-	-	-	6,037	6,037	-	-	6,037	0	-		
1	Cải tạo, sửa chữa công trình Trường Chính trị tỉnh Kiên Giang	Thành phố Rạch Giá	2024-2026	Số 386/QĐ-UBND ngày 15/02/2025 của UBND tỉnh	6,037	6,037	-				6,037	6,037			6,037				
VII	Lĩnh vực khoa học và công nghệ				18,428	18,428	-	-	-	-	2,350	2,350	-	-	2,350	0	-		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư /Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công năm 2025					Kế hoạch đầu tư công năm 2025 (sau điều chỉnh)				Chênh lệch		Phân cấp vốn huyện, thành phố quản lý	Ghi chú
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tăng (+)	Giảm (-)			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh		Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết		Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
a	Dự án chuẩn bị đầu tư				18,428	18,428	-	-	-	-	2,350	2,350	-	-	2,350	0	-		
1	Dự án: "Đầu tư Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến tại các sở, ban ngành tỉnh Kiên Giang và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh Kiên Giang"	Tỉnh Kiên Giang	2024-2026	Quyết định số: 2991/QĐ-UBND ngày 13/11/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang; Số 87/QĐ-SKHCN ngày 24/4/2025 của Sở Khoa học và Công nghệ	16,428	16,428	-				350	350			350				
2	Đầu tư hạ tầng kỹ thuật, chuyển đổi số xây dựng Trung tâm giám sát điều hành thông minh quản lý toàn diện thành phố Phú Quốc	thành phố Phú Quốc	2025-2027	Số 88/QĐ-SKHCN ngày 24/4/2025 của Sở Khoa học và Công nghệ	2,000	2,000					2,000	2,000			2,000				
VIII	Lĩnh vực Du Lịch				119,322	119,322	-	-	-	-	9,866	-	9,866	-	9,866	0	-		
a	Công trình chuyển tiếp hoàn thành trước 31/12/2024				119,322	119,322	-	-	-	-	9,866	-	9,866	-	9,866	0	-		
1	Đường vào khu du lịch Ba Hòn (cây xăng Bình Phán - mộ Chi Sứ)	Huyện Hòn Đất	2019-2022	số 2505/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	59,453	59,453	-				3,116		3,116		3,116				
2	Nâng cấp, mở rộng đường quanh núi Hòn Me (đoạn đường trên thân đê + đoạn từ UBND xã Thổ Sơn đến ngã ba cống Hòn Quáo)	Huyện Hòn Đất	2019-2022	số 2496/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 703/QĐ-UBND ngày 18/3/2021 của UBND tỉnh;	59,869	59,869	-				6,750		6,750		6,750				
IX	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh				146,583	146,583	-	-	-	-	69,647	11,000	58,647	-	69,647	0	-		
X	Bộ Chỉ huy Biên Phòng tỉnh				115,494	115,494	5,749	5,749	-	-	291	291	-	-	-	-5,458	-		
XI	Công an tỉnh				109,000	109,000	239	239	-	-	93,970	55,000	38,970	-	93,970	-239	-		
XII	Lĩnh vực phát thanh và Truyền hình				115,742	115,742	-	-	-	-	18,000	-	18,000	-	18,000	0	-		
a	Dự án khởi công mới				115,742	115,742	-	-	-	-	18,000	-	18,000	-	18,000	0	-		
1	Dự án Hệ thống tòa nhà trang âm, thiết bị phim trường có khán giả và hạng mục phụ	Thành phố Rạch Giá	2025-2028	Số 82/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh	115,742	115,742	-				18,000		18,000		18,000				
XIII	Văn phòng Tỉnh ủy				35,035	35,035	8,899	-	8,899	-	5,651	2,181	3,470	-	2,181	-5,429	-		
a	Công trình chuyển tiếp hoàn thành trước 31/12/2024				29,274	29,274	-	-	-	-	2,181	2,181	-	-	2,181	0	-		
1	Sửa chữa, cải tạo Nhà làm việc Huyện ủy Châu Thành	huyện Châu Thành	2022-2024	số 343/QĐ-SKHĐT ngày 17/11/2021 của Sở KH&ĐT;	9,790	9,790	-				58	58			58				
2	Xây dựng mới kho Lưu trữ huyện Gò Quao	Huyện Gò Quao	2022-2024	số 3247/QĐ-UBND, 23/12/2022 của UBND tỉnh;	3,499	3,499	-				1	1			1				
3	Xây dựng mới kho Lưu trữ huyện An Minh	Huyện An Minh	2022-2024	số 3128/QĐ-UBND, 09/12/2022 của UBND tỉnh;	3,497	3,497	-				3	3			3				
4	Xây dựng mới nhà công vụ cho khối Đảng và Đoàn thể huyện Kiên Hải	Huyện Kiên Hải	2022-2024	số 720/QĐ-UBND, 15/3/2023 của UBND tỉnh;	12,488	12,488	-				2,119	2,119			2,119				
b	Dự án chuyển tiếp				5,761	5,761	8,899	-	8,899	-	3,470	-	3,470	-	-	-5,429	-		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công năm 2025					Kế hoạch đầu tư công năm 2025 (sau điều chỉnh)				Chênh lệch		Phân cấp vốn huyện, thành phố quản lý	Ghi chú
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tăng (+)	Giảm (-)			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh		Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết		Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
1	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Bình An; sửa chữa và mua sắm thiết bị hội trường Huyện ủy Kiên Lương, huyện Kiên Lương	Huyện Kiên Lương	2024-2026	Số 2873/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang	5,761	5,761	8,899		8,899		3,470		3,470			-5,429			
XIV	Công trình trọng điểm, có tính chất liên kết vùng, thúc đẩy phát triển Kinh tế - Xã hội; công trình 2016-2020 chuyển tiếp sang 2021-2025 tỉnh hỗ trợ huyện đầu tư.				1,990,328	1,496,910	232,727	-	232,727	-	510,927	4,400	472,227	34,300	298,200	-20,000	510,927		
a	Dự án chuyển tiếp				1,721,228	1,227,810	130,000	0	130,000	0	349,500	0	349,500	0	219,500	0	349,500		
1	Đường Trần Văn Giàu (khu dân cư Nam An Hòa - đường Phan Thị Răng)	thành phố Rạch Giá	2020-2025	số 2508/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019; số 2462/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của UBND tỉnh;	76,500	76,500	-				16,500		16,500		16,500		16,500		
2	Cảng hành khách Quốc tế Phú Quốc	Thành phố Phú Quốc	2015-2025	số 555/QĐ-UBND ngày 20/3/2015; số 794/QĐ-UBND ngày 31/3/2017; số 1412/QĐ-UBND ngày 21/6/2018; số 3018/QĐ-UBND ngày 31/12/2019; số 1702/QĐ-UBND ngày 06/7/2022 của UBND tỉnh;	1,644,728	1,151,310	130,000		130,000		333,000		333,000		203,000		333,000		
b	Dự án khởi công mới				264,423	264,423	102,727	-	102,727	-	157,027	-	122,727	34,300	74,300	-20,000	157,027		
1	Dự án đầu tư xây dựng cầu Ba Hố xã Vĩnh Hoà Hưng Bắc, huyện Gò Quao	Huyện Gò Quao	2024-2027	Số 6037/QĐ-UBND ngày 30/10/2024 của UBND huyện Gò Quao	149,723	149,723	102,467		102,467		82,467		82,467			-20,000	82,467		
2	Dự án ĐTXD công trình đường Lâm Quang Ky, huyện Châu Thành	huyện Châu Thành	2024-2026	Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 08/01/2025 của UBND huyện Châu Thành	79,900	79,900	260		260		40,260		40,260		40,000		40,260		
3	dự án Kê, Công viên trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Xiển, huyện An Minh	Huyện An Minh	2025-2027	Số 2194/QĐ-UBND ngày 19/4/2025 của UBND huyện An Minh	20,000	20,000	-				19,500			19,500	19,500		19,500		
4	Dự án Trường trung học cơ sở Minh Lương, huyện Châu Thành;	huyện Châu Thành;	2025-2027	Số 1523/QĐ-UBND ngày 18/4/2025 của UBND huyện Châu Thành	14,800	14,800	-				14,800			14,800	14,800		14,800		
c	Dự án chuẩn bị đầu tư				4,677	4,677	-	-	-	-	4,400	4,400	-	-	4,400	0	4,400		
1	Bố trí chuẩn bị đầu tư - Dự án đầu tư xây dựng công trình đường Thờ 11 - Kim Quy	huyện An Minh	2023-2025	số 5237/QĐ-UBND ngày 20/11/2023 của UBND huyện An Minh;	4,677	4,677	-				4,400	4,400			4,400		4,400		
XV	Chương trình nước sạch nông thôn và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025		2021-2025	số 542/NQ-HĐND, ngày 14/01/2021 của HĐND tỉnh;	61,236	61,236	4,159	-	-	4,159	38,193	-	-	38,193	34,240	-206	-		
a	Công trình chuyển tiếp hoàn thành trước 31/12/2024				26,996	26,996	4,159	-	-	4,159	3,953	-	-	3,953	-	-206	-		
1	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Đông Thái, huyện An Biên.	Huyện An Biên	2023-2025	2894/QĐ-UBND, ngày 21/11/2023 của UBND tỉnh	13,999	13,999	3,509		3,509		3,379			3,379		-130			
2	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Vĩnh Bình Bắc, huyện Vĩnh Thuận	Huyện Vĩnh Thuận	2023-2025	2893/QĐ-UBND, ngày 21/11/2023 của UBND tỉnh	12,997	12,997	650		650		574			574		-76			
b	Dự án khởi công mới				34,240	34,240	-	-	-	-	34,240	-	-	34,240	34,240	0	-		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư /Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công năm 2025					Kế hoạch đầu tư công năm 2025 (sau điều chỉnh)				Chênh lệch		Phân cấp vốn huyện, thành phố quản lý	Ghi chú
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tăng (+)	Giảm (-)			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh		Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết		Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
1	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Đông Hưng, huyện An Minh	Huyện An Minh	2021-2025	Số 842/QĐ-UBND ngày 26/3/2025 của UBND tỉnh	34,240	34,240	-				34,240			34,240	34,240				
XVI	ĐỐI ỨNG VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI (ĐỀ ĐẠT, DUY TRÌ CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI VÀ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO THEO NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH), TRONG ĐÓ:				0	0	35,000	15,000	0	20,000	97,004	15,000	46,009	35,995	62,004	0	97,004		
1	Thành phố Hà Tiên (bổ sung một số danh mục: Nâng cấp, cải tạo đường Mường Đào, đường Văn Tiến Dũng, đường Nam Hố, đường Mạc Công Nương, đường Phù Dung - Mạc Cửu, đường Rạch U (đoạn Nguyễn Phúc Chu - Phương Thành); Kè chống sạt lở bảo vệ trung tâm đô thị thành phố Hà Tiên; Sửa chữa các điểm trường trên địa bàn thành phố Hà Tiên; Tri thức học xá - nhà lưu niệm Đồng Hồ; Nghĩa trang liệt sĩ thành phố Hà Tiên; Hệ thống hạ tầng kỹ thuật quốc lộ 80; Nhà tang lễ thành phố hà Tiên (giai đoạn 2)	Thành phố Hà Tiên					20,000			20,000	57,425		37,425	20,000	37,425		57,425		
2	Huyện An Minh (gồm: Trường mầm non Đông Hưng, Trường mầm non Văn Khánh Đông, Trường mầm non Đông Hưng B, Trường THCS Đông Hưng)	Huyện An Minh									15,995			15,995	15,995		15,995		
3	Huyện Giang Thành (bổ sung các công trình, gồm: Cầu NTS (đường kênh Giữa), Cầu cạn đường K1, Đường kênh Thới Trang, Đường số 6, Trường TH Tân Khánh Hòa (Điểm Lò Bơm), Trường THCS Tân Khánh Hòa (Điểm Chính), Trường TH Trần Thê (Điểm Trần Thê))	Huyện Giang Thành					15,000	15,000			23,584	15,000	8,584		8,584		23,584		
XVII	CÁC DỰ ÁN LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC				10,953	10,953	-	-	-	-	10,953	8,448	-	2,505	10,953	0	-		
a	Dự án khởi công mới				7,833	7,833	0	0	0	0	7,833	7,833	0	0	7,833	0	0		
1	dự án Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc và các hạng mục phụ Sở Công Thương tỉnh Kiên Giang	Thành phố Rạch Giá	2024-2025	Số 588/QĐ-UBND ngày 08/3/2025 của UBND tỉnh	7,833	7,833	-				7,833	7,833			7,833				
b	Dự án chuẩn bị đầu tư				3,120	3,120	0	0	0	0	3,120	615	0	2,505	3,120	0	0		
1	Dự án Nhà làm việc các phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	Thành phố Rạch Giá		số 210/QĐ-BQL ngày 15/4/2025 của BQLDA ĐTXD-GT	615	615	-				615	615			615				
2	ĐTXD Nhà lưu trú cho công nhân	huyện Châu Thành		Số 100/QĐ-BQL ngày 10/3/2025 của BQLDA ĐTXD-GT	1,516	1,516	-				1,516			1,516	1,516				
3	dự án ĐTXD Ký túc xá sinh viên	huyện Châu Thành		Số 94/QĐ-QBL ngày 07/3/2025 của BQLDA ĐTXD-GT	989	989	-				989			989	989				
XVIII	Vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội và cấp vốn điều lệ cho Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh. Trong đó:				0	0	10,000	0	0	10,000	15,000	0	0	15,000	5,000	0	0		
1	Cấp vốn điều lệ cho Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh	Tỉnh Kiên Giang					10,000			10,000	15,000			15,000	5,000				

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công năm 2025				Kế hoạch đầu tư công năm 2025 (sau điều chỉnh)				Chênh lệch		Phân cấp vốn huyện, thành phố quản lý	Ghi chú
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư													
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh												
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
B	VỐN CHƯA PHÂN BỐ CHI TIẾT						2,578,301	84,265	1,630,191	863,845	-					-2,578,301		



H. N. C.